TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 3
PHIẾU SỐ 23

Thời gian làm bài: 30 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Trong số 869, chữ số 6 có giá trị là:

A. 60 **B.** 869 **C.** 600 **D.** 6

Câu 2. Kết quả của phép nhân 2 × 9 là:

A. 18 **B.** 9 **C.** 11 **D.** 20

Câu 3. Giảm 63 đi 9 lần được:

A. 7 **B.** 8 **C.** 567 **D.** 54

Câu 4. Một phần ba (1/3) của 12 kg là:

A. 9 kg **B.** 6 kg **C.** 4 kg **D.** 36 kg

Câu 5. Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 5 m = …… dm

A. 5 **B.** 50 **C.** 5000 **D.** 500

Câu 6. M là trung điểm của đoạn thẳng AB. Biết AB = 26 m, độ dài đoạn AM là:

A. 13 m **B.** 26 m **C.** 52 m **D.** 24 m

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Tính giá trị của biểu thức:

a) 160 + 63 × 8 = ……

b) 118 − 32 : 8 = ……

c) (95 + 23) × 3 = ……

Bài 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 8, 12, ……, 20, 24, ……

b) 274, 374, ……, 574, 674, ……

Bài 3. Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 3 × 6 …… 19

b) 1 m …… 90 cm

c) 7 m 4 cm …… 794 cm

d) 1/5 của 15 …… 1/4 của 12

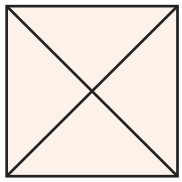
Bài 4. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Hình tròn có bán kính 12 cm thì đường kính là …… cm.

b) Hình tròn có đường kính 28 dm thì bán kính là …… dm.

c) M là trung điểm của đoạn thẳng AB dài 40 mm. Đoạn MB dài …… mm.

Bài 5. Đếm hình:



a) Hình bên có …… hình tam giác.

Bài 6. Vy có 4 nhãn vở, Hoa có 16 nhãn vở. Hỏi số nhãn vở của Hoa gấp mấy lần số nhãn vở của Vy?

a) Trả lời: …… lần

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 3 · Phiếu số 23

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	A	A	C	B	A

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 160 + 63 × 8 = 160 + 504 = 664

b) 118 − 32 : 8 = 118 − 4 = 114

c) (95 + 23) × 3 = 118 × 3 = 354

Bài 2.

a) Đếm thêm 4: 8, 12, 16, 20, 24, 28

b) Mỗi số hơn số trước 100 đơn vị: 274, 374, 474, 574, 674, 774

Bài 3.

a) 3 × 6 = 18 nên điền dấu «<»

b) 1 m = 100 cm nên điền dấu «>»

c) 7 m 4 cm = 704 cm nên điền dấu «<»

d) 1/5 của 15 là 3; 1/4 của 12 là 3 nên điền dấu «=»

Bài 4.

a) 12 × 2 = 24 (cm)

b) 28 : 2 = 14 (dm)

c) 40 : 2 = 20 (mm)

Bài 5.

Có 4 tam giác nhỏ và 4 tam giác ghép từ 2 hình nhỏ: 8 hình tam giác.

Bài 6.

16 : 4 = 4 (lần)